

Bản án số: 40/2019/HS-ST
Ngày: 17 - 4 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Văn Hùng.

Bà Nguyễn Thị Rạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/HSST-QĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Mai Thị Q, sinh năm 1992, tại Thanh Hóa; Nơi thường trú: Thôn 2, ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; Nơi đã cư trú: Ấp T, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Mai Văn C và bà Hoàng Thị H; bị cáo có chồng tên Trịnh Văn T và 01 con chung sinh năm 2013; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại điều tra, truy tố và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Trần Văn V, sinh năm 1992. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

2/ Điều Thị T, sinh năm 1997. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

3/ Thạch Thị D, sinh năm 2000. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Danh T, sinh năm 1996. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

5/ Đặng Minh Đ, sinh năm 1992. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

6/ Nguyễn Thành T, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã C, huyện T, tỉnh An Giang.

7/ Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1993. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

8/ Đền Thị N, sinh năm 1998. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

9/ Trịnh Văn T, sinh năm 1991. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, B, xã H, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

10/ Võ Thị Hồng N, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An..

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Nguyễn Văn V (vắng mặt); Nguyễn Trung K (vắng mặt); Nguyễn Thành T (vắng mặt); Nguyễn Hoàng S (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, bị cáo Mai Thị Q đến thuê Kiot của chị Võ Thị Hồng N, sinh năm 1980, địa chỉ ấp T, B, huyện Đ, Long An để kinh doanh dịch vụ chụp ảnh, photocopy, đặt biển hiệu Quốc Việt. Do việc kinh doanh không có thu nhập và trước đó bị cáo Q có quen biết với người tên Minh (chưa rõ nhân thân lai lịch), thấy Minh có làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức nên bị cáo Q để ý và biết cách làm.

Đến cuối tháng 02 năm 2018, bị cáo Q nảy sinh ý định làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức như hồ sơ xin việc làm để thu lợi bất chính. Bị cáo Q chuẩn bị sẵn máy photocopy, máy scan, máy vi tính, máy in màu, USB, máy chụp ảnh. Sau đó bị cáo Mai Thị Q lên mạng Internet để tải hình các mẫu dấu của Ủy ban nhân dân (UBND), Công an, Trung tâm giám định y khoa, pháp y ở các địa phương trong cả nước lưu vào USB. Ngoài ra, bị cáo Q còn chuẩn bị các mẫu đơn xin việc, sơ yếu lý lịch, phiếu khám sức khỏe, đơn xác nhận hạnh kiểm để phục vụ cho việc làm giả giấy tờ. Bị cáo thực hiện việc hành vi bằng cách in các mẫu dấu đã tải về của UBND, Công an, Trung tâm giám định y khoa, pháp y lên giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, đơn xin việc, sơ yếu lý lịch, đơn xác

nhận hạnh kiểm và phiếu khám sức khỏe. Sau đó, bị cáo Q tự nghĩ ra những tên của Chủ tịch, Trưởng Công an nơi người có nhu cầu làm giả cư trú và Giám đốc Trung tâm giám định y khoa, pháp y rồi tự ký tên lên các mẫu giấy tờ vừa in ra. Với cách thức thực hiện tương tự như trên, trung bình mỗi ngày bị cáo Q làm giả từ 01 đến 02 bộ hồ sơ, mỗi bộ bị cáo Q thu lợi từ 150.000 đồng đến 170.000 đồng.

Đến khoảng 11 giờ ngày 03/5/2018, Nguyễn Thành T, sinh năm: 1985, nơi cư trú: ấp H, xã C, huyện T, tỉnh An Giang đến tiệm photocopy Quốc Việt gặp bị cáo Q, Nguyễn Thành T đưa cho bị cáo Q 01 giấy chứng minh nhân dân (CMND) của T để thuê bị cáo Q làm một bộ hồ sơ xin việc giả, bị cáo Q đồng ý và nhận của T 160.000 đồng tiền công. Sau đó, bị cáo Q làm cho T 01 bộ hồ sơ xin việc giả gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân photo, 01 đơn xin việc, 01 sơ yếu lý lịch, 01 sổ hộ khẩu photo có đóng dấu của Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh An Giang và chữ ký tên Nguyễn Văn M; 01 phiếu khám sức khỏe có đóng dấu của Trung tâm giám định y khoa tỉnh Bình Dương và chữ ký của Giám đốc tên Võ Thị G; 01 đơn xác nhận hạnh kiểm có đóng dấu của Công an phường C và chữ ký tên Lê Văn K, sau khi làm xong, bị cáo Q bỏ bộ hồ sơ giả vào bì giấy. Đến 17 giờ cùng ngày T đến tiệm Quốc Việt gặp bị cáo Q để lấy hồ sơ, khi bị cáo Q đang giao hồ sơ cho T thì bị lực lượng Công an kiểm tra bắt quả tang.

Vật chứng tạm giữ gồm:

- Số tiền 160.000 đồng.

- 09 bộ hồ sơ xin việc làm của Nguyễn Thành T; Điều Thị T, sinh năm: 1997, HKTT: ấp B, xã A, huyện K, tỉnh Kiên Giang; Tăng Văn T, sinh ngày: 20/5/1999, HKTT: xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau; Đặng Minh Đ, sinh năm: 1992, HKTT: ấp L, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; Nguyễn Thị Bé H, sinh năm: 1969, HKTT: xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ; Thạch Thị D, sinh ngày: 30/4/2000, HKTT: P, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Đền Thị N, sinh năm: 1998, HKTT: ấp N, xã Đ, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Danh Thị N, sinh năm: 1999, HKTT: ấp X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang và Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm: 1993, HKTT: xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông gồm: 09 giấy chứng minh nhân dân photo; 09 đơn xin việc; 09 sơ yếu lý lịch; 09 sổ hộ khẩu photo; 09 phiếu khám sức khỏe; 09 đơn xác nhận hạnh kiểm.

- 01 CPU nhãn hiệu HP; 01 USB màu đen; 01 máy ảnh nhãn hiệu NiKon Cool Pix S2900; 01 máy Scan nhãn hiệu Canon loại Lide 110; 01 máy in nhãn Epson loại L805; 01 thiết bị đọc thẻ nhớ nhãn hiệu Kings Ton loại 2.0; 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Kingston 8GB; 01 thẻ nhớ nhãn hiệu San Disk 16GB; 01 màn hình Samsung; 01 máy photocopy nhãn hiệu Toshiba Studio 350 màu trắng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu vàng, loại A160, kèm theo sim số: 0966516496.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 50H8014061.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 371810706 mang tên Điều Thị T và - 01 sổ hộ khẩu (Bản chính) số: 340443529 chủ hộ mang tên Trình Thị Tươi.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 341547429 mang tên Đặng Minh Đ.
- 01 giấy chứng minh nhân dân số 350683713 mang tên Nguyễn Thành T.
- 01 giấy chứng minh nhân dân số 366184631 mang tên Đền Thị N.
- 01 giấy chứng minh nhân dân số 245373457 mang tên Nguyễn Thị Huyền T.
- 01 giấy chứng minh nhân dân số 366278160 mang tên Thạch Thị D.
- 01 giấy chứng minh nhân dân số 372007921 mang tên Danh Thị N.
- 01 giấy chứng minh nhân dân số 381973539 mang tên Tăng Văn T.

Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp các vật chứng gồm:

- Trả lại cho bị cáo Q: 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 50H8014061; 01 thiết bị đọc thẻ nhớ nhãn hiệu Kings Ton loại 2.0; 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Kingston 8GB; 01 thẻ nhớ nhãn hiệu San Disk 16GB; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu vàng, loại A160, sim số: 0966516496.
- Trả lại cho Điều Thị T: 01 giấy chứng minh nhân dân số 371810706 mang tên Điều Thị T và 01 sổ hộ khẩu (Bản chính) số: 340443529 chủ hộ mang tên Trình Thị Tươi (là mẹ chồng của Điều Thị T).
- Trả lại cho Đặng Minh Đ: 01 giấy chứng minh nhân dân số 341547429 mang tên Đặng Minh Đ.
- Trả lại cho Nguyễn Thành T: 01 giấy chứng minh nhân dân số 350683713 mang tên Nguyễn Thành T.
- Trả lại cho Đền Thị N: 01 giấy chứng minh nhân dân số 366184631 mang tên Đền Thị N.
- Trả lại cho Nguyễn Thị Huyền T: 01 giấy chứng minh nhân dân số 245373457 mang tên Nguyễn Thị Huyền T.
- Trả lại cho Thạch Thị D: 01 giấy chứng minh nhân dân số 366278160 mang tên Thạch Thị D.

Tại bản kết luận giám định số 321/2018/KLGD ngày 30/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An, kết luận:

1. Hình dấu tròn lớn “U.B.N.D xã. C H. T T. An Giang ★” mực màu đỏ: Ở phần mặt trước, trên tờ “Giấy chứng minh nhân dân” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A1); ở giáp lai ảnh (3x4) dán trên góc trái và ở dưới trái mực “Kính đơn ký tên”, trên tờ “Đơn xin việc” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A2); ở giáp lai ảnh (3x4) dán trên góc trái và ở mực “UBND phường, Xã...”, trên tờ “Sơ yếu lý lịch” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A3); ở giáp lai lề bên phải và ở bìa sau, trên cuốn “Sổ hộ khẩu gia đình” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A4) là do cùng một “hình dấu” in ra (hình dấu sao in).

2. Hình dấu tròn lớn “U.B.N.D xã. A H. Q T. Kiên Giang ★” mực màu đỏ: Ở phần mặt trước, trên tờ “Giấy chứng minh nhân dân” (đóng dấu TLCGD, ký

hiệu A7); ở giáp lai ảnh (3x4) dán trên góc trái và ở dưới trái mục “Kính đơn ký tên”, trên tờ “Đơn xin việc” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A8); ở giáp lai ảnh (3x4) dán trên góc trái và ở mục “UBND phường, Xã...”, trên tờ “Sơ yếu lý lịch” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A9); ở giáp lai lề bên phải và ở bìa sau, trên cuốn “Sổ hộ khẩu gia đình” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A10) là do cùng một “hình dấu” in ra (hình dấu sao in).

3. Hình dấu tròn lớn “U.B.N.D xã Khánh Tiên H. U Minh T. Cà Mau ★” mực màu đỏ: Ở phần mặt trước, trên tờ “Giấy chứng minh nhân dân” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A13); ở giáp lai ảnh (3x4) dán trên góc trái và ở dưới trái mục “Kính đơn ký tên”, trên tờ “Đơn xin việc” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A14); ở giáp lai ảnh (3x4) dán trên góc trái và ở mục “UBND phường, Xã...”, trên tờ “Sơ yếu lý lịch” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A15); ở giáp lai lề bên phải và ở bìa sau, trên cuốn “Sổ hộ khẩu gia đình” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A16) là do cùng một “hình dấu” in ra (hình dấu sao in).

4. Hình dấu tròn lớn “U.B.N.D xã H H. V T. Đồng Tháp ★” mực màu đỏ: Ở phần mặt trước, trên tờ “Giấy chứng minh nhân dân” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A19); ở giáp lai ảnh (3x4) dán trên góc trái và ở dưới trái mục “Kính đơn ký tên”, trên tờ “Đơn xin việc” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A20); ở giáp lai ảnh (3x4) dán trên góc trái và ở mục “UBND phường, Xã...”, trên tờ “Sơ yếu lý lịch” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A21); ở giáp lai lề bên phải và ở bìa sau, trên cuốn “Sổ hộ khẩu gia đình” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A22) là do cùng một “hình dấu” in ra (hình dấu sao in).

5. Hình dấu tròn lớn “U.B.N.D xã Đông Thuận H. Thới Lai TP. Cần Thơ ★” mực màu đỏ: Ở phần mặt trước, trên tờ “Giấy chứng minh nhân dân” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A25); ở giáp lai ảnh (3x4) dán trên góc trái và ở dưới trái mục “Kính đơn ký tên”, trên tờ “Đơn xin việc” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A26); ở giáp lai ảnh (3x4) dán trên góc trái và ở mục “UBND phường, Xã...”, trên tờ “Sơ yếu lý lịch” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A27); ở giáp lai lề bên phải và ở bìa sau, trên cuốn “Sổ hộ khẩu gia đình” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A28) là do cùng một “hình dấu” in ra (hình dấu sao in).

6. Hình dấu tròn lớn “U.B.N.D xã L TX. V T. Sóc Trăng ★” mực màu đỏ: Ở phần mặt trước, trên tờ “Giấy chứng minh nhân dân” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A31); ở giáp lai ảnh (3x4) dán trên góc trái và ở dưới trái mục “Kính đơn ký tên”, trên tờ “Đơn xin việc” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A32); ở giáp lai ảnh (3x4) dán trên góc trái và ở mục “UBND phường, Xã...”, trên tờ “Sơ yếu lý lịch” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A33); ở giáp lai lề bên phải và ở bìa sau, trên cuốn “Sổ hộ khẩu gia đình” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A34) là do cùng một “hình dấu” in ra (hình dấu sao in).

7. Hình dấu tròn lớn “U.B.N.D xã Đ TX. V T. Sóc Trăng ★” mực màu đỏ: Ở phần mặt trước, trên tờ “Giấy chứng minh nhân dân” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A37); ở giáp lai ảnh (3x4) dán trên góc trái và ở dưới trái mục “Kính đơn ký tên”, trên tờ “Đơn xin việc” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A38); ở giáp lai ảnh (3x4) dán trên góc trái và ở mục “UBND phường, Xã...”, trên tờ “Sơ yếu lý

lịch” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A39); ở giáp lai lề bên phải và ở bìa sau, trên cuốn “Sổ hộ khẩu gia đình” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A40) là do cùng một “hình dấu” in ra (hình dấu sao in).

8. Hình dấu tròn lớn “U.B.N.D xã Đông Hòa H. An Minh T. Kiên Giang ★” mực màu đỏ: Ở phần mặt trước, trên tờ “Giấy chứng minh nhân dân” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A43); ở giáp lai ảnh (3x4) dán trên góc trái và ở dưới trái mục “Kính đơn ký tên”, trên tờ “Đơn xin việc” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A44); ở giáp lai ảnh (3x4) dán trên góc trái và ở mục “UBND phường, Xã...”, trên tờ “Sơ yếu lý lịch” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A45); ở giáp lai lề bên phải và ở bìa sau, trên cuốn “Sổ hộ khẩu gia đình” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A46) là do cùng một “hình dấu” in ra (hình dấu sao in).

9. Hình dấu tròn lớn “Công an xã... ★... ★” (Không đọc được chữ in còn lại) mực màu đỏ ở giáp lai ảnh (3x4) dán trên góc trái và ở mục “Xác nhận của công an Phường...Quận...”, trên 08 (tám) tờ “Đơn xin xác nhận hạnh kiểm” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A6, A12, A18, A24, A30, A36, A42 và A48) là do cùng một “hình dấu” in ra (hình dấu sao in).

10. Hình dấu tròn lớn “Trung tâm giám định y khoa pháp y ★ Sở Y tế ★ Tỉnh Bình Dương” mực màu đỏ, ở giáp lai ảnh (3x4) dán trên góc trái và ở mục “Giám đốc” trên 08 (tám) tờ “Phiếu khám sức khỏe Để dùng vào việc: Xin việc làm” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu: A5, A11, A17, A23, A29, A35, A41 và A47) là do cùng một “hình dấu” in ra (hình dấu sao in).

Tại bản kết luận giám định số 349/2018/KLGD ngày 12/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Long An, kết luận:

1. Hình dấu tròn lớn “U.B.N.D xã Quảng Tâm H. T T. Đắk Nông ★” mực màu đỏ: Ở phần mặt trước, trên tờ “Giấy chứng minh nhân dân” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A1); ở giáp lai ảnh (3x4) dán trên góc trái và ở dưới trái mục “Kính đơn ký tên”, trên tờ “Đơn xin việc” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A2); ở giáp lai ảnh (3x4) dán trên góc trái và ở mục “UBND phường, Xã...”, trên hai tờ “Sơ yếu lý lịch” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A3 và A4); ở giáp lai lề bên phải và ở bìa sau, trên cuốn “Sổ hộ khẩu gia đình” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A5) là do cùng một “hình dấu” in ra (hình dấu sao in).

2. Hình dấu tròn lớn “công an xã... ★... ★” (không đọc được chữ in còn lại) mực màu đỏ ở giáp lai ảnh (3x4) dán trên góc trái và ở mục “Xác nhận của công an Phường...Quận...”, trên tờ “Đơn xin xác nhận hạnh kiểm” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A7) là do cùng một “hình dấu” in ra (hình dấu sao in).

3. Hình dấu tròn lớn “Trung tâm giám định y khoa pháp y ★ Sở Y tế ★ tỉnh Bình Dương” mực màu đỏ, ở giáp lai ảnh (3x4) dán trên góc trái và ở mục “Giám đốc” trên tờ “Phiếu khám sức khỏe Để dùng vào việc: Xin việc làm” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A6) là do cùng một “hình dấu” in ra (hình dấu sao in).

Tại bản cáo trạng số 36/CT-VKSĐH ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An truy tố bị cáo Mai Thị Q về tội

“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà, Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo Mai Thị Q gây ra; đồng thời căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 2, Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; tuyên bố bị cáo Mai Thị Q phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; xử phạt bị cáo Mai Thị Q mức hình phạt 3 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 năm.

Căn cứ vào Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Về tang vật chứng:

Đối với các vật chứng sau, không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp nên đề nghị không đề cập, xem xét, gồm:

- 01 thiết bị đọc thẻ nhớ nhãn hiệu Kings Ton loại 2.0; 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Kingston 8GB; 01 thẻ nhớ nhãn hiệu San Disk 16GB; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu vàng, loại A160, kèm theo sim số: 0966516496; 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 50H8014061 (đã trả lại cho bị cáo Q);

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 371810706 mang tên Điều Thị T và 01 sổ hộ khẩu (Bản chính) số: 340443529 chủ hộ mang tên Trình Thị Tươi (đã trả lại cho Điều Thị T);

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 341547429 mang tên Đặng Minh Đ (đã trả lại cho Đặng Minh Đ).

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 350683713 mang tên Nguyễn Thành T (đã trả lại cho Nguyễn Thành T).

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 366184631 mang tên Đền Thị N (đã trả lại cho Đền Thị N).

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 245373457 mang tên Nguyễn Thị Huyền T (đã trả lại cho Nguyễn Thị Huyền T).

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 366278160 mang tên Thạch Thị D (đã trả lại cho Thạch Thị D).

Đối với số tiền 160.000 đồng: đây là tiền bị cáo thu lợi bất chính bị bắt quả tang nên đề nghị tịch thu Ngân sách Nhà nước.

Đối với 09 bộ hồ sơ xin việc làm của Nguyễn Thành T; Điều Thị T; Tăng Văn T, Đặng Minh Đ; Nguyễn Thị Bé H; Thạch Thị D; Đền Thị N; Danh Thị N và Nguyễn Thị Huyền T gồm: 09 giấy chứng minh nhân dân photo; 09 đơn xin

việc; 09 sơ yếu lý lịch; 09 sổ hộ khẩu photo; 09 phiếu khám sức khỏe; 09 đơn xác nhận hạnh kiểm: tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án.

Đối với 01 CPU nhãn hiệu HP; 01 USB màu đen; 01 máy ảnh nhãn hiệu NiKon Cool Pix S2900; 01 máy Scan nhãn hiệu Canon loại Lide 110; 01 máy in nhãn Epson loại L805; 01 màn hình Samsung; 01 máy photocopy nhãn hiệu Toshiba Studio 350 màu trắng: là các phương tiện, dụng cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân số 372007921 mang tên Danh Thị N: là tài sản hợp pháp của Danh Thị N, đề nghị trả lại cho Danh Thị N.

Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân số 381973539 mang tên Tăng Văn T: là tài sản hợp pháp của Tăng Văn T, đề nghị trả lại cho Tăng Văn T.

- Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Thành T, Điều Thị T (do chồng là Trần Văn V đến địa chỉ kinh doanh của bị cáo Q nhờ làm giả hồ sơ), Đặng Minh Đ, Thạch Thị D (do chồng là Danh T đến địa chỉ kinh doanh của bị cáo Q nhờ làm giả hồ sơ), Đền Thị N và Nguyễn Thị Huyền T có lời trình bày tại cơ quan điều tra không yêu cầu bị cáo Q trả lại số tiền làm hồ sơ, số tiền này thuộc trường hợp thu lợi bất chính, tổng số tiền là 1.400.000 đồng. Trong quá trình điều tra, bị cáo Mai Thị Q đã tự nguyện nộp lại số tiền này nên đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với Nguyễn Thành T, Điều Thị T, Trần Văn V, Tăng Văn T, Đặng Minh Đ, Thạch Thị D, Danh T, Đền Thị N, Danh Thị N và Nguyễn Thị Huyền T có hành vi sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, nhưng chưa thực hiện hành vi trái pháp luật, hành vi này không đủ yếu tố cấu thành tội phạm có liên quan nên đề nghị không đề cập, xem xét.

Đối với anh Trịnh Văn T là chồng của bị cáo Q, cùng tạm trú với bị cáo Q tại địa điểm kinh doanh nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng trong thời gian bị cáo Q thực hiện hành vi phạm tội, anh Thường đang điều trị bệnh tại bệnh viện, không biết việc Q phạm tội, không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự nên đề nghị không đề cập, xem xét.

Đối với chị Võ Thị Hồng N có hành vi cho bị cáo Q thuê kiot để kinh doanh nhưng chị Nhớ không biết việc Q thực hiện hành vi phạm tội tại địa điểm kinh doanh, không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự nên đề nghị không đề cập, xem xét.

Tại phiên tòa bị cáo Mai Thị Q hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nhưng những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo Mai Thị Q trước Tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang vào lúc 17 giờ 00 phút ngày 03/5/2018; Biên bản khám nghiệm hiện trường lúc 18 giờ 00 ngày 03/5/2018; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng với bản kết luận giám định số 321/2018/KLĐG ngày 30/6/2018 và số 349/2018/KLĐG ngày 12/7/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Long An, phù hợp với nội dung bản cáo trạng.

Thấy rằng, từ cuối tháng 02 năm 2018 đến ngày bị bắt quả tang (03/5/2018), tại tiệm photocopy biển hiệu Quốc Việt, thuộc ấp T, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An, bị cáo Mai Thị Q đã sử dụng máy scan và máy tính làm giả tổng cộng 19 con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức để làm ra các tài liệu giấy tờ xin việc giả; thu lợi bất chính tổng số tiền 1.400.000 đồng. Cụ thể vào khoảng 11 giờ ngày 03/5/2019, bị cáo Mai Thị Q có hành vi làm giả 03 con dấu, tài liệu của Công an phường, Ủy ban nhân dân phường C, thị xã T, tỉnh An Giang và Trung tâm giám định y khoa tỉnh Bình Dương thuộc Sở y tế tỉnh Bình Dương để làm ra các tài liệu hồ sơ xin việc làm giả cho Nguyễn Thành T. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày 03/5/2018 trong lúc đang giao nhận hồ sơ giả này thì bị Công an phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng vụ án.

Với thủ đoạn tương tự như trên bị cáo Mai Thị Q đã làm giả 16 con dấu, tài liệu của Công an xã và UBND xã A, huyện Q, tỉnh Kiên Giang; Công an xã và UBND xã Khánh Tiên, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; Công an xã và UBND xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; Công an xã và UBND xã Đông Thuận, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ; Công an xã và UBND xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Công an xã và UBND xã Đ, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Công an xã và UBND xã Đông Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; Công an xã và UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Mai Thị Q phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” với tình tiết “Làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) .

Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Mai Thị Q với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi của bị cáo Q là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý con dấu, tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức mà còn ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương, tạo điều kiện để người khác đi vào con đường phạm tội. Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của bị cáo gây ra là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi trái pháp luật của bị cáo cần xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, nộp lại số tiền thu lợi bất chính; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn (chồng bị bệnh không thể lao động nặng, bị cáo là lao động chính trong gia đình, phải nuôi con nhỏ), bị cáo có cha ruột (ông Mai Văn C) từng trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) nên khi áp dụng hình phạt cho bị cáo có xem xét giảm nhẹ một phần.

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, bị cáo tạm trú ổn định tại xã B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An từ năm 2006 đến nay nên có nơi cư trú rõ ràng; do đó việc áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương đối với bị cáo cũng có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

Từ phân tích [3] và [4], xét theo lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo Mai Thị Q là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tang vật chứng:

Đối với các vật chứng sau, không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp nên không đề cập, xem xét, gồm:

- 01 thiết bị đọc thẻ nhớ nhãn hiệu Kings Ton loại 2.0; 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Kingston 8GB; 01 thẻ nhớ nhãn hiệu San Disk 16GB; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu vàng, loại A160, kèm theo sim số: 0966516496; 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 50H8014061 (đã trả lại cho bị cáo Q);

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 371810706 mang tên Điều Thị T và 01 sổ hộ khẩu (Bản chính) số 340443529 chủ hộ mang tên Trình Thị Tươi (đã trả lại cho Điều Thị T);

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 341547429 mang tên Đặng Minh Đ (đã trả lại cho Đặng Minh Đ).

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 350683713 mang tên Nguyễn Thành T (đã trả lại cho Nguyễn Thành T).

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 366184631 mang tên Đền Thị N (đã trả lại cho Đền Thị N).

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 245373457 mang tên Nguyễn Thị Huyền T (đã trả lại cho Nguyễn Thị Huyền T).

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 366278160 mang tên Thạch Thị D (đã trả lại cho Thạch Thị D).

Đối với số tiền 160.000 đồng: đây là tiền bị cáo thu lợi bất chính bị bắt quả tang nên tịch thu Ngân sách Nhà nước.

Đối với 09 bộ hồ sơ xin việc làm của Nguyễn Thành T; Điều Thị T; Tăng Văn T, Đặng Minh Đ; Nguyễn Thị Bé H; Thạch Thị D; Đền Thị N; Danh Thị N và Nguyễn Thị Huyền T gồm: 09 giấy chứng minh nhân dân photo; 09 đơn xin việc; 09 sơ yếu lý lịch; 09 sổ hộ khẩu photo; 09 phiếu khám sức khỏe; 09 đơn xác nhận hạnh kiểm: tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án.

Đối với 01 CPU nhãn hiệu HP; 01 USB màu đen; 01 máy ảnh nhãn hiệu NiKOn Cool Pix S2900; 01 máy Scan nhãn hiệu Canon loại Lide 110; 01 máy in nhãn Epson loại L805; 01 màn hình Samsung; 01 máy photocopy nhãn hiệu Toshiba Studio 350 màu trắng: là các phương tiện, dụng cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân số 372007921 mang tên Danh Thị N: là tài sản hợp pháp của Danh Thị N nên trả lại cho Danh Thị N.

Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân số 381973539 mang tên Tăng Văn T: là tài sản hợp pháp của Tăng Văn T nên trả lại cho Tăng Văn T.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Thành T, Điều Thị T (do chồng là Trần Văn V đến địa chỉ kinh doanh của bị cáo Q nhờ làm giả hồ sơ), Đặng Minh Đ, Thạch Thị D (do chồng là Danh T đến địa chỉ kinh doanh của bị cáo Q nhờ làm giả hồ sơ), Đền Thị N và Nguyễn Thị Huyền T có lời trình bày tại cơ quan điều tra không yêu cầu bị cáo Q trả lại số tiền làm hồ sơ, số tiền này thuộc trường hợp thu lợi bất chính, tổng số tiền là 1.400.000 đồng. Trong quá trình điều tra, bị cáo Mai Thị Q đã tự nguyện nộp lại số tiền này nên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[7]. Đối với Nguyễn Thành T, Điều Thị T, Trần Văn V, Tăng Văn T, Đặng Minh Đ, Thạch Thị D, Danh T, Đền Thị N, Danh Thị N và Nguyễn Thị Huyền T có hành vi sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, nhưng chưa thực hiện hành vi trái pháp luật, hành vi này không đủ yếu tố cấu thành tội phạm có liên quan nên không đề cập, xem xét.

Đối với anh Trịnh Văn T là chồng của bị cáo Q, cùng tạm trú với bị cáo Q tại địa điểm kinh doanh nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng trong thời gian bị cáo Q thực hiện hành vi phạm tội, anh Thường đang điều trị bệnh tại bệnh viện, không biết việc Q phạm tội, không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự nên không đề cập, xem xét.

Đối với chị Võ Thị Hồng N có hành vi cho bị cáo Q thuê kiot để kinh doanh nhưng chị Nhớ không biết việc Q thực hiện hành vi phạm tội tại địa điểm kinh doanh, không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự nên không đề cập, xem xét.

[8]. Về án phí: Bị cáo Mai Thị Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Căn cứ Điều 2, Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

Tuyên bố bị cáo Mai Thị Q phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt: Bị cáo Mai Thị Q 3 (ba) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 (năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Mai Thị Q về Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Long An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Mai Thị Q có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Mai Thị Q thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về tang vật chứng: Căn cứ vào Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: số tiền 160.000 đồng; 01 CPU nhãn hiệu HP; 01 USB màu đen; 01 máy ảnh nhãn hiệu NiKon Cool Pix S2900; 01 máy Scan nhãn hiệu Canon loại Lide 110; 01 máy in nhãn hiệu Epson loại L805;

01 màn hình Samsung; 01 máy Photocopy nhãn hiệu Toshiba Studio 350 màu trắng;

+ Tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án: 09 bộ hồ sơ xin việc làm của Nguyễn Thành T; Điều Thị T; Tăng Văn T, Đặng Minh Đ; Nguyễn Thị Bé H; Thạch Thị D; Đền Thị N; Danh Thị N và Nguyễn Thị Huyền T gồm: 09 giấy chứng minh nhân dân photo; 09 đơn xin việc; 09 sơ yếu lý lịch; 09 sổ hộ khẩu photo; 09 phiếu khám sức khỏe; 09 đơn xác nhận hạnh kiểm.

+ Trả lại cho Danh Thị N: 01 giấy chứng minh nhân dân số 372007921 mang tên Danh Thị N.

+ Trả lại cho Tăng Văn T: 01 giấy chứng minh nhân dân số 381973539 mang tên Tăng Văn T.

- Về trách nhiệm dân sự: Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm ngàn đồng).

Tang vật và tiền trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 65-13/3/2019 ngày 13 tháng 3 năm 2019; Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 69-02/04/2019 ngày 02/4/2019; Biên lai thu tiền số 0001769 ngày 13/3/2019 và Biên lai thu tiền số 0001762 ngày 19/02/2019.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Mai Thị Q nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

Án này là sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Kim Thanh

